

Cơ chế, chính sách phát triển Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam

Tham luận của Tiến sĩ Nguyễn Văn Sơn, Khoa Kinh tế & Quản lý công, Trường Đại học Mở Tp.Hồ Chí Minh trình bày tại Hội Thảo: “Cơ chế, chính sách phát triển Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam” do Ban Kinh tế Trung ương, Thành ủy và Ủy ban nhân dân Tp.Hồ Chí Minh phối hợp tổ chức ngày 23/12/2016 tại Tp.Hồ Chí Minh.

(1) Cơ sở nghiên cứu, căn cứ chủ yếu vào:

- Quyết định số 252/QĐ-TTg, ngày 13/02/2014 của Thủ Tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam đến năm 2020, định hướng đến năm 2030.
- Các quyết định của Thủ Tướng phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của 8 tỉnh, thành trong vùng (bao gồm: Tp.Hồ Chí Minh, Bình Phước, Tây Ninh, Bình Dương, Đồng Nai, Bà Rịa – Vũng Tàu, Long An, Tiền Giang).
- Các quan hệ hội nhập kinh tế quốc tế có tác động mạnh đến tiến trình phát triển kinh tế - xã hội của Việt Nam nói chung và Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam nói riêng trong thời gian tới, như: AEC (Cộng đồng kinh tế ASEAN), APEC (Diễn đàn hợp tác kinh tế Châu Á – Thái Bình Dương), TPP (Hiệp định đối tác xuyên Thái Bình Dương); WTO (Tổ chức thương mại thế giới)...
- Trên cơ sở đó, xác định mục tiêu phát triển cơ bản là đến năm 2020 thu nhập bình quân đầu người của Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam đạt mức *thu nhập trung bình cao* theo tiêu chuẩn phân loại của Ngân hàng thế giới (dao động trong khoảng từ 4.086 – 12.615 \$US/người/năm)⁽¹⁾; Trong đó, Tp.Hồ Chí Minh tiệm cận đến mức *thu nhập cao* (hơn 12.615 \$US/người/năm). Định hướng đến năm 2030 thu nhập bình quân đầu người của toàn vùng đạt mức *thu nhập cao*⁽²⁾; riêng Tp.Hồ Chí Minh đạt trên dưới 2,5 lần so với mức bình quân toàn vùng.

(2) Quan điểm tiếp cận giải quyết vấn đề:

- Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam có đủ điều kiện vươn lên mạnh mẽ ngang tầm khu vực Đông Nam Á để làm đầu kéo con tàu kinh tế phía Nam và cả nước.
- Trước hết, phải tăng cường nội lực toàn vùng đáp ứng cho nhu cầu phát triển.
- Đồng thời, tích cực đón đầu cơ hội từ các làn sóng chuyển dịch đầu tư quốc tế đang diễn ra rất thuận lợi để nhanh chóng hiện đại hóa nền kinh tế toàn vùng.
- Về mặt quản lý, yêu cầu phối hợp liên ngành, liên tỉnh, liên vùng chặt chẽ trên cơ sở đảm bảo hiệu quả toàn cục và phát triển bền vững.

⁽¹⁾ Theo qui hoạch được duyệt là trên 5.000 \$SD.

⁽²⁾ Theo qui hoạch được duyệt là khoảng 12.200 \$SD.

(3) Đề xuất một số cơ chế, chính sách thúc đẩy phát triển Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam:

1. Chính sách sản phẩm

Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam, với tâm điểm Tp.Hồ Chí Minh (từng được ví là *Hòn Ngọc Viễn Đông*), được khẳng định là nơi hội tụ các dòng chảy kinh tế không chỉ của phía Nam mà còn là của cả nước Việt Nam để mở cửa ngõ giao thương với khu vực Đông Nam Á và thế giới. Để phát huy thế mạnh kinh tế và đảm đương tốt vai trò quan trọng đó của vùng, về mặt chính sách sản phẩm, cần xác định trong thời gian tới Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam sẽ tập trung mạnh vào các sản phẩm có hàm lượng công nghệ cao, như: kim khí điện máy, ô tô, máy tính điện tử, điện thoại di động, nông phẩm ứng dụng công nghệ sinh học và thực phẩm chế biến tinh xảo, các ngành dịch vụ giá trị gia tăng cao (phần mềm máy tính, dịch vụ thương mại, logistics, bảo hiểm, tài chính, viễn thông, du lịch...).

2. Chính sách công nghiệp

Chính sách công nghiệp phải xác định rõ các ngành mũi nhọn trong từng giai đoạn chiến lược, đồng thời xác định luôn phạm vi các ngành công nghiệp hỗ trợ và liên kết để thúc đẩy những ngành công nghiệp mũi nhọn đó nhằm đảm bảo hoạch định chính sách phát triển cho đồng bộ. Cụ thể như sau:

- Các ngành thâm dụng lao động (như dệt may, da giày) vẫn được coi là ngành mũi nhọn trong giai đoạn hiện nay và cần bành trướng mạnh mẽ trong những năm tới để đón đầu cơ hội từ Hiệp định TPP (sẽ có hiệu lực vào đầu năm 2018). Song, phải có chính sách phù hợp để nhanh chóng thu hút các nhà đầu tư nước ngoài vào lĩnh vực sản xuất nguyên phụ liệu dệt may và da giày tại chỗ thì mới đáp ứng được điều kiện xuất xứ TPP để được miễn thuế nhập khẩu vào thị trường TPP.
- Các ngành công nghệ cao hướng vào xuất khẩu (như máy tính điện tử, điện thoại di động) cũng xác định là ngành mũi nhọn ngay giai đoạn hiện nay để đón đầu cơ hội từ ACE và TPP. Từ đó, phải sớm xây dựng các chính sách khuyến khích thu hút đầu tư nước ngoài vào lĩnh vực công nghiệp chế tạo linh kiện điện tử.
- Các ngành công nghệ cao vừa sản xuất thay thế nhập khẩu vừa hướng vào xuất khẩu (như ô tô, nông sản ứng dụng công nghệ sinh học, thực phẩm chế biến...) xác định là các ngành mũi nhọn vào cuối giai đoạn 2016 – 2020, nhưng phải xây dựng chính sách thúc đẩy các ngành công nghiệp hỗ trợ ô tô, công nghiệp sản xuất bao bì hiện đại... ngay từ bây giờ.
- Các ngành dịch vụ giá trị gia tăng cao có tính chất là những ngành liên kết thúc đẩy các nhóm ngành nói trên (như phần mềm, dịch vụ thương mại, logistics, bảo hiểm, tài chính, viễn thông...) cũng phải xác định là những ngành ưu tiên ngay trong giai đoạn chiến lược 2016 – 2020.

- Riêng ngành du lịch, bên cạnh việc phát huy thế mạnh truyền thống, cần có chính sách đồng bộ giữa Tp.Hồ Chí Minh và các địa phương trong vùng để phát triển du lịch MICE⁽³⁾ nhằm kết hợp phục vụ nâng cao vai trò trung tâm giao dịch quốc tế của Tp.Hồ Chí Minh.

3. Chính sách phát triển các hành lang kinh tế

Qui hoạch Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam đã xác định ba trục phát triển không gian kinh tế của vùng (theo các hướng Đông Bắc, Tây Bắc và Tây Nam). Thiết nghĩ, cần làm rõ tính chất phát triển đặc trưng của từng hành lang kinh tế để làm cơ sở cho việc phát triển đô thị và kết cấu hạ tầng kỹ thuật đảm bảo gắn kết chặt chẽ Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam với các vùng kinh tế khác trong nước và thị trường quốc tế. Cụ thể là:

- Hành lang kinh tế Đông Bắc (từ Tp.Hồ Chí Minh đến Bình Dương, Đồng Nai và Bà Rịa - Vũng Tàu): tập trung vào các ngành chế biến, chế tạo công nghệ cao lan tỏa từ Tp.Hồ Chí Minh đến các địa bàn Bình Dương, Đồng Nai và Bà Rịa. Riêng Vũng Tàu còn chú trọng phát triển các ngành dầu khí, logistics và du lịch cho phù hợp với lợi thế vị trí của địa phương. Chú trọng mở cửa khẩu giao thương với thị trường thế giới qua biển Đông.
- Hành lang kinh tế Tây Bắc (từ Tp.Hồ Chí Minh đến Tây Ninh và Bình Phước): tập trung vào các ngành công nghiệp nhẹ thâm dụng lao động và chế biến các loại nông lâm sản từ cây trồng, vật nuôi dài ngày. Chú trọng mở cửa khẩu giao thương với Campuchia và khu vực ASEAN qua biên giới Tây Ninh và Bình Phước.
- Hành lang kinh tế Tây Nam (từ Tp.Hồ Chí Minh đến Long An và Tiền Giang): tập trung vào các ngành chế biến nông sản thực phẩm từ cây trồng, vật nuôi ngắn ngày và cây ăn quả lâu năm. Chú trọng mở cửa khẩu giao thương với Campuchia và khu vực ASEAN qua biên giới Long An.
- Riêng Tp.Hồ Chí Minh là trung tâm của vùng, do không gian phát triển đã được khai thác gần đi đến giới hạn, nên cần có chính sách tạo ra sự chuyên dịch cơ cấu kinh tế hướng mạnh vào các ngành công nghệ cao và các ngành dịch vụ giá trị gia tăng cao. Đồng thời, làm đầu mối giao thương với thị trường toàn cầu. Trong đó, chú trọng khai thác mạnh mẽ cầu giao thương hàng không.

4. Chính sách phát triển cơ sở hạ tầng và đô thị hóa

Trước hết, phải qui hoạch các khu chế xuất, khu công nghiệp, cụm công nghiệp, các trung tâm giao dịch thương mại, tài chính, các đô thị vệ tinh tính từ tâm điểm Tp.Hồ Chí Minh trở ra theo các hành lang kinh tế nói trên với tầm nhìn chiến lược dài hạn hàng chục (thậm chí hàng trăm) năm. Trên cơ sở đó, qui hoạch đồng bộ hệ thống cơ

⁽³⁾ MICE: Meeting (hội họp) – Incentive (khuyến thưởng) – Conference (hội nghị) – Event (sự kiện).

sở hạ tầng toàn vùng có tính đến giải pháp kết nối cơ sở hạ tầng liên vùng (kể cả liên khu vực qua biên giới với Campuchia). Trong quyết định phê duyệt qui hoạch Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam của Thủ Tướng Chính phủ đã nêu cụ thể một số công trình cơ sở hạ tầng và các địa bàn xây dựng đô thị vệ tinh trong toàn vùng. Ở đây chúng tôi chỉ nhấn mạnh thêm vào các vấn đề sau:

- Phải đảm bảo sự phân công và hợp tác chặt chẽ giữa các địa phương trong vùng, tránh việc đua nhau xây dựng dẫn đến trùng lặp chồng chéo nhau.
- Xác định rõ thứ tự ưu tiên xây dựng các công trình cơ sở hạ tầng và đô thị vệ tinh để tập trung nguồn lực đầu tư một cách hợp lý và hiệu quả nhất.
- Chú trọng cả cơ sở hạ tầng phục vụ xuất khẩu chuyên biệt cho các tập đoàn công ty đa quốc gia qui mô lớn hứa hẹn sẽ chuyên dịch đầu tư mạnh mẽ đến Việt Nam trong thời gian tới để khai thác lợi thế từ Hiệp định TPP.
- Chú trọng phát triển nhanh hệ thống cơ sở hạ tầng mềm về công nghệ thông tin để tạo điều kiện xây dựng sớm các tổ hợp ngành (*Industry Cluster*) hiện đại ứng dụng công nghệ kỹ thuật số đồng bộ nhằm đảm bảo gắn kết không gian kinh tế dễ dàng hơn giữa Tp.Hồ Chí Minh với các tỉnh. Qua đó, sớm hiện đại hóa các cơ sở sẵn có và nhanh chóng hình thành các trung tâm giao dịch hiện đại tại Tp.Hồ Chí Minh để phục vụ phát triển toàn vùng, như: Trung tâm giao dịch chứng khoán, Trung tâm ứng dụng công cụ tài chính phái sinh phục vụ giao dịch các loại hàng hóa xuất khẩu thế mạnh của vùng (gạo, thủy sản, hạt điều, cà phê, cao su), Trung tâm giao dịch công nghệ...
- Thông qua làn sóng đô thị hóa, kết hợp phát triển cơ sở hạ tầng hợp lý cho nông thôn mới để đưa các ngành dịch vụ lan tỏa nhanh chóng toàn vùng.

5. Chính sách phát triển giáo dục – đào tạo và khoa học – công nghệ

Nhằm nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và tăng khả năng đáp ứng về công nghệ cho nhu cầu phát triển kinh tế, cần giải quyết tốt các mặt sau:

- Tăng cường đầu tư thỏa đáng cho giáo dục hướng nghiệp và phát triển đào tạo nghề để giải quyết tình trạng mất cân đối trầm trọng (thừa thầy – thiếu thợ) trong nền kinh tế hiện nay.
- Đầu tư mạnh mẽ cho việc ứng dụng kỹ thuật số để phát triển hệ thống đào tạo từ xa, tạo điều kiện học tập nâng cao trình độ không ngừng của người lao động nhằm đồng bộ hóa và hỗ trợ phát triển tích cực cho hệ thống giáo dục hướng nghiệp và đào tạo nghề nói trên.
- Có chính sách thu hút đầu tư nước ngoài vào lĩnh vực giáo dục – đào tạo. Khuyến khích các trường đại học trên địa bàn đẩy mạnh hợp tác đào tạo và nghiên cứu khoa học với các trường đại học danh tiếng trên thế giới.

- Xây dựng chương trình phát triển công nghệ với nguồn lực đảm bảo mạnh mẽ để kích thích các viện nghiên cứu và các doanh nghiệp tham gia.

6. Chính sách thu hút đầu tư

Bên cạnh việc tạo môi trường cạnh tranh bình đẳng để khuyến khích các thành phần kinh tế trong nước gia tăng đầu tư, phải đặc biệt chú trọng đón đầu cơ hội của làn sóng chuyển dịch đầu tư từ các nước bên ngoài khu vực TPP vào Việt Nam dự kiến sẽ tăng mạnh trong thời gian tới. Trong đó, cần lưu ý:

- Xác định Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam là địa bàn hấp thu mạnh mẽ nhất cả nước đối với làn sóng chuyển dịch đầu tư đến Việt Nam để đón đầu cơ hội từ Hiệp định TPP. Do đó, phải đẩy nhanh tiến độ phát triển cơ sở hạ tầng nói trên nhằm tạo điều kiện thu hút đầu tư kịp thời.
- Xây dựng cơ chế kích thích đầu tư mạnh vào các ngành công nghệ cao và công nghiệp hỗ trợ (sản xuất các yếu tố đầu vào thay thế nhập khẩu) phù hợp với chính sách công nghiệp đã nêu ở trên.
- Xây dựng cơ chế quản lý đất đai, cho thuê mặt bằng phải tính đến sự chênh lệch giá cả hợp lý theo hướng giảm dần từ Tp.Hồ Chí Minh ra đến đầu cuối của các hành lang kinh tế để kích thích kéo dẫn không gian đầu tư ra các tỉnh.
- Sàng lọc kỹ để đảm bảo không tiếp nhận công nghệ lạc hậu gây ô nhiễm môi trường (nhất là của các doanh nghiệp Trung Quốc di chuyển theo làn sóng chuyển dịch đầu tư của các công ty đa quốc gia từ Trung Quốc sang Việt Nam).

7. Chính sách tài chính

Để đáp ứng được nhu cầu vốn đầu tư phát triển kinh tế - xã hội rất lớn trong thời kỳ tới, trong chính sách tài chính cần lưu ý các vấn đề sau:

- Đa dạng hóa thị trường vốn (kể cả phát triển nhanh thị trường tài chính phái sinh) để doanh nghiệp ngoài nhà nước tiếp cận với các nguồn vốn đầu tư cũng như sử dụng được những công cụ quản trị rủi ro tài chính dễ dàng hơn.
- Về vốn đầu tư công, bên cạnh các nguồn vốn ngân sách và vốn vay ODA, cần đẩy mạnh hình thức đối tác công – tư để thực hiện nhanh chóng hơn các công trình cơ sở hạ tầng và chỉnh trang đô thị có qui mô lớn.
- Về thuế phải tuân thủ chính sách chung của nhà nước, nhưng cần đề nghị trung ương cho phép áp dụng một số cơ chế đặc thù, đồng thời rà soát điều chỉnh các thủ tục quản lý hành chính để giảm *gánh nặng thuế - phí* cho các nhà đầu tư.

8. Đồng bộ hóa và hoàn thiện cơ chế thị trường

Đây là yêu cầu căn bản và phải thực hiện xuyên suốt để đảm bảo không ngừng cải cách môi trường kinh doanh. Đề nghị lấy Tp.Hồ Chí Minh làm tâm điểm xây dựng

đồng bộ hóa thị trường trên cơ sở tổ chức và cơ chế vận hành hiện đại, bao gồm: thị trường hàng hóa – dịch vụ, thị trường tài chính (kể cả thị trường vốn liên ngân hàng và thị trường tài chính phái sinh), thị trường lao động, thị trường công nghệ, thị trường bất động sản... rồi lan tỏa dần ra toàn vùng. Trong đó, yêu cầu giải quyết tốt các vấn đề sau đây:

- Thúc đẩy sự phát triển của thị trường công nghệ để tăng khả năng đáp ứng yêu cầu đổi mới công nghệ của các doanh nghiệp.
- Đưa thị trường bất động sản đi vào quỹ đạo kiểm soát để thoát khỏi sự chi phối của các nhóm lợi ích cá biệt và hỗ trợ tích cực hơn cho sự phát triển chung của nền kinh tế - xã hội toàn vùng.
- Nhanh chóng hiện đại hóa cơ sở hạ tầng của thị trường chứng khoán và thị trường tài chính nói chung để đón đầu cơ hội thu hút các nguồn vốn đầu tư gián tiếp (FPI) sẽ tăng mạnh trong trung hạn (dự kiến sau năm 2020).
- Xây dựng hoàn chỉnh cơ chế kiểm soát thị trường, mà trước hết là đối với các thị trường hàng hóa – dịch vụ và thị trường lao động để thích ứng tốt với những điều kiện hội nhập kinh tế quốc tế dồn dập hiện nay, như WTO, AEC và TPP.

9. Nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp nội địa

Đề nghị tập trung vào ba điểm nhấn cơ bản sau đây:

- Đẩy nhanh tiến trình cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước.
- Tạo điều kiện thúc đẩy đầu tư nâng cao qui mô lợi suất kinh tế (*Economic of Scale*) của khu vực kinh tế ngoài nhà nước, kể cả kích thích tổ chức lại sản xuất của các nông hộ, nông trại theo lối sản xuất sạch, ứng dụng công nghệ sinh học.
- Xây dựng cơ chế kích thích nâng cao tính *chủ động* và tính *hợp tác* của các doanh nghiệp khi tham gia vào chuỗi cung ứng sản phẩm toàn cầu.

10. Kiểm soát, bảo vệ tài nguyên và môi trường

Đây là nhân tố quan trọng đảm bảo cho sự phát triển bền vững. Về mặt chính sách, bên cạnh việc kích thích đầu tư vào các ngành công nghệ cao đi đôi với kiểm soát ngăn chặn các luồng đầu tư có công nghệ lạc hậu gây ô nhiễm môi trường đã được đề cập ở trên, cần lưu ý thêm các vấn đề sau:

- Tăng cường xây dựng các cụm công nghiệp (đan xen hợp lý với các khu công nghiệp, khu chế xuất) để tập hợp các doanh nghiệp sản xuất qui mô vừa và nhỏ, đưa các đối tượng này vào vòng kiểm soát chặt chẽ tình trạng xử lý chất thải gây ô nhiễm môi trường.
- Khuyến khích đầu tư mạnh vào lĩnh vực kinh doanh dịch vụ xử lý chất thải công nghiệp tập trung theo khu chế xuất, khu công nghiệp, cụm công nghiệp.

- Nghiên cứu ban hành chính sách “*công nghiệp xanh*” (bao gồm cả khu vực sản xuất nông nghiệp sạch, công nghệ cao) phù hợp với đặc điểm tài nguyên và môi trường của Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam. Trong đó, có thể đề nghị trung ương cho thực hiện thí điểm cơ chế áp dụng hạn ngạch (*quota*) để kiểm soát lượng khí thải gây hiệu ứng nhà kính.
- Tăng cường kiểm soát và chế tài nghiêm ngặt các hành vi vi phạm qui định bảo vệ tài nguyên và môi trường.

11. Chính sách xã hội

Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam đã, đang và sẽ là nơi thu hút rất mạnh lao động từ nhiều địa phương trong cả nước. Vì vậy, chính sách xã hội không chỉ chú trọng đến đối tượng dân cư tại chỗ mà còn phải bao hàm cả đối tượng dân nhập cư (có khả năng số lượng sẽ tăng nhanh theo tỷ lệ thuận với đà tăng trưởng kinh tế của vùng). Trong đó, cần lưu ý đồng thời hai mặt sau:

- *Một mặt*, tăng cường các hoạt động phúc lợi và chăm sóc y tế để nâng cao thu nhập thực tế của dân cư thực hiện giảm nghèo đa chiều; kết hợp với giải quyết tốt những hệ lụy của vấn đề đô thị hóa để ngăn chặn tình trạng tái nghèo, nâng cao mức sống dân cư một cách vững chắc.
- *Mặt khác*, trong các chính sách nâng cao đời sống văn hóa, mang lại bình đẳng, công bằng, văn minh cho nhân dân, cần phải kết hợp tạo ra cơ chế cho quần chúng dễ dàng tham gia đóng góp trực tiếp vào việc xây dựng các chuẩn mực quản lý quan hệ lao động và quản lý môi trường theo tinh thần qui định tại các chương về lao động và môi trường của Hiệp định TPP.

12. Cải cách hành chính và chống tham nhũng

Dựa trên quan điểm coi việc cải cách hành chính và chống tham nhũng cũng là những yếu tố tác động tích cực đến việc nâng cao năng lực cạnh tranh của nền kinh tế, cần phải giải quyết tốt các vấn đề sau:

- Trong cải cách hành chính phải mạnh dạn đề nghị những cơ chế đặc biệt nhằm thuận lợi hóa thủ tục quản lý cho các địa phương trong vùng (nhất là Tp.Hồ Chí Minh) mạnh mẽ hơn so với mặt bằng chung để tạo môi trường cạnh tranh và môi trường kinh doanh của vùng hấp dẫn hơn đối với các nhà đầu tư.
- Chống tham nhũng phải đi đôi với việc nâng cao thu nhập cho công chức, viên chức tương ứng với mức tăng trưởng kinh tế để giảm tích cực tỷ lệ tham nhũng.

13. Cơ chế quản lý vùng

Bộ máy quản lý và cơ chế phối hợp quản lý Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam đã được đề cập khá cụ thể tại Quyết định số 252/QĐ-TTg. Trong phạm vi nghiên cứu tham luận tại diễn đàn này, chúng tôi cho rằng điều kiện tiên quyết để quản lý có hiệu

quả là phải đề xuất cho được những cơ chế quản lý đặc biệt (thuận lợi hơn so với mặt bằng chung cả nước) cho các địa phương trong vùng, mà trước hết là cho Tp.Hồ Chí Minh. Bởi vì, khi đã quản lý phát triển tốt địa bàn trung tâm Tp.Hồ Chí Minh thì sẽ tạo được hiệu ứng lan tỏa tích cực đến các tỉnh trong vùng (và cả những vùng lân cận). Từ đó, xin được nhấn mạnh đến những khía cạnh sau đây để các cơ quan hữu quan chú trọng nghiên cứu đề xuất cơ chế quản lý cụ thể:

- Nâng cao quyền hạn và tính chủ động cho chính quyền địa phương trong các quyết định quản lý hành chính; quyết định đầu tư công; quyết định thu hút đầu tư trên địa bàn (kể cả đầu tư nước ngoài); quyết định về cơ chế quản lý doanh nghiệp và cơ chế kiểm soát các hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Cho phép các địa phương trong vùng (đặc biệt là Tp.Hồ Chí Minh) được trích lập ngân sách từ nguồn thu thuế trên địa bàn cao hơn so với các mức qui định hiện hành và huy động thêm nguồn tài chính từ các tổ chức liên kết (trong và ngoài nước) để thiết lập các quỹ khuyến khích phát triển (chẳng hạn như: khuyến khích đầu tư vào các ngành công nghệ cao, sản xuất xanh và sạch, khuyến khích doanh nghiệp đổi mới công nghệ...); hoặc các quỹ tài trợ cho các chương trình xã hội, chỉnh trang đô thị, phát triển y tế, giáo dục hướng nghiệp và đào tạo nghề...

Tp.Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 12 năm 2016.

Tài liệu tham khảo:

1. Quyết định 252/QĐ-TTg ngày 13/02/2014 của Thủ Tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam đến năm 2020, định hướng đến năm 2030.
2. Quyết định 142/QĐ-TTg ngày 28/01/2015 của Thủ Tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Tiền Giang đến năm 2020, định hướng đến năm 2030.
3. Quyết định 252/QĐ-TTg ngày 13/02/2014 của Thủ Tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Long An đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030.
4. Quyết định 1284/QĐ-TTg ngày 07/05/2014 của Thủ Tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2011 – 2020 và định hướng đến năm 2025.
5. Quyết định 893/QĐ-TTg ngày 11/06/2014 của Thủ Tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Bình Dương đến năm 2020, bổ sung qui hoạch đến năm 2025.
6. Quyết định 2631/QĐ-TTg ngày 31/12/2013 của Thủ Tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội Tp.Hồ Chí Minh đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2025.
7. Quyết định 1439/QĐ-TTg ngày 03/10/2012 của Thủ Tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Tây Ninh đến năm 2020.
8. Quyết định 15/2007/QĐ-TTg ngày 29/01/2007 của Thủ Tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu giai đoạn 2006 – 2015, định hướng đến năm 2020.
9. Quyết định 194/2006/QĐ-TTg ngày 24/08/2006 của Thủ Tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Bình Phước thời kỳ 2006 – 2020.
10. Giới thiệu chung về Cộng đồng kinh tế ASEAN (AEC) – Bộ Ngoại giao, asean.mofa.gov.vn.
11. Hiệp định Đối tác xuyên Thái Bình Dương (TPP) – VCCI, trungtamwto.vn
12. Tác động của TPP đến chiến lược phát triển kinh tế Việt Nam – Nguyễn Văn Sơn, Báo cáo chuyên đề – Trung tâm Nghiên cứu Phát triển, Trường Đại học Mở Tp.Hồ Chí Minh, 03/03/2016.